

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 1: Nhân tố tiến hoá nào sau đây có thể làm cho một alen có lợi bị loại bỏ hoàn toàn khỏi quần thể và một alen có hại trở nên phổ biến trong quần thể?

- A. Đột biến. B. Chọn lọc tự nhiên.
C. Giao phối không ngẫu nhiên. D. Các yếu tố ngẫu nhiên.

Câu 2: Cho biết các gen phân li độc lập và quá trình giảm phân không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, số loại giao tử tối đa có thể được tạo ra từ quá trình giảm phân của cơ thể có kiểu gen AaBB là

- A. 2. B. 4. C. 16. D. 8.

Câu 3: Biện pháp nào sau đây giúp bảo vệ nguồn nước sạch ở nước ta trong giai đoạn hiện nay?

- A. Không xả rác, chất thải và chất độc hại ra môi trường.
B. Khai thác triệt để các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
C. Tăng cường sử dụng thuốc trừ sâu hoá học trong sản xuất nông nghiệp.
D. Chặt phá rừng đầu nguồn, đốt rừng làm nương rẫy.

Câu 4: Kiểu phân bố nào sau đây **không** phải là kiểu phân bố cá thể của quần thể sinh vật trong tự nhiên?

- A. Phân bố theo nhóm. B. Phân bố theo chiều thẳng đứng.
C. Phân bố đồng đều. D. Phân bố ngẫu nhiên.

Câu 5: Loài sinh vật nào sau đây, con đực chỉ có một nhiễm sắc thể giới tính X (XO) và con cái có hai nhiễm sắc thể giới tính X (XX)?

- A. Thỏ. B. Châu chấu đồng. C. Chim bồ câu. D. Ruồi giấm.

Câu 6: Theo quan niệm hiện đại, nhân tố nào sau đây **không** phải là nhân tố tiến hoá?

- A. Giao phối không ngẫu nhiên. B. Chọn lọc tự nhiên.
C. Các yếu tố ngẫu nhiên. D. Giao phối ngẫu nhiên.

Câu 7: Kết quả của quá trình tiến hoá nhỏ là hình thành nên

- A. chi mới. B. họ mới. C. loài mới. D. bộ mới.

Câu 8: Bộ ba nào sau đây không mã hoá axit amin?

- A. AXX. B. AUX. C. AUA. D. UAG.

Câu 9: Theo quan niệm của Đacuyn, đối tượng tác động của chọn lọc tự nhiên là

- A. quần xã. B. quần thể. C. cá thể. D. tế bào.

Câu 10: Trong quá trình giảm phân của cơ thể có kiểu gen $\frac{Ab}{aB}$ đã xảy ra hoán vị gen với tần số 10%.

Theo lí thuyết, tỉ lệ các loại giao tử mang gen hoán vị là:

- A. $\underline{AB} = \underline{ab} = 5\%$. B. $\underline{Ab} = \underline{aB} = 45\%$. C. $\underline{AB} = \underline{ab} = 45\%$. D. $\underline{Ab} = \underline{aB} = 5\%$.

Câu 11: Loại nuclêôtit nào sau đây **không** phải là đơn phân của phân tử ARN?

- A. Xitôzin. B. Timin. C. Guanin. D. Adênin.

Câu 12: Đối tượng được Coren (Correns) sử dụng để nghiên cứu di truyền và phát hiện ra hiện tượng di truyền ngoài nhân là

- A. đậu Hà Lan. B. cây hoa phấn. C. ruồi giấm. D. khoai tây.

Câu 13: Ở đậu Hà Lan, alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Cho biết quá trình giảm phân không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con gồm toàn cây hoa đỏ?

- A. $Aa \times aa$. B. $AA \times aa$. C. $aa \times aa$. D. $Aa \times Aa$.

Câu 14: Quần thể ngẫu phối nào sau đây đang ở trạng thái cân bằng di truyền?

- A. 0,25AA : 0,60Aa : 0,15aa. B. 0,49AA : 0,50Aa : 0,01aa.
C. 0,25AA : 0,50Aa : 0,25aa. D. 0,36AA : 0,16Aa : 0,48aa.

Câu 15: Để loại khỏi nhiễm sắc thể những gen không mong muốn ở một số giống cây trồng, người ta có thể gây đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể dạng

- A. lặp đoạn. B. đảo đoạn. C. chuyển đoạn. D. mất đoạn nhỏ.

Câu 16: Cho biết các gen phân li độc lập và quá trình giảm phân không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, phép lai AaBb × AaBb cho đời con có kiểu gen aabb chiếm tỉ lệ

- A. $\frac{1}{8}$. B. $\frac{1}{4}$. C. $\frac{1}{16}$. D. $\frac{1}{2}$.

Câu 17: Các cây khác loài có cấu tạo hoa khác nhau nên chúng thường không thụ phấn được cho nhau. Đây là ví dụ về

- A. cách li cơ học. B. cách li thời gian. C. cách li tập tính. D. cách li nơi ở.

Câu 18: Ở cà chua, alen A quy định quả đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định quả vàng. Theo lí thuyết, phép lai Aa × aa cho đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ:

- A. 2 cây quả đỏ : 1 cây quả vàng. B. 1 cây quả đỏ : 1 cây quả vàng.
C. 3 cây quả đỏ : 1 cây quả vàng. D. 1 cây quả đỏ : 3 cây quả vàng.

Câu 19: Tác nhân nào sau đây có thể làm cho hai bazơ timin (T) trên cùng một mạch của phân tử ADN liên kết với nhau dẫn đến phát sinh đột biến gen?

- A. 5 - brom uraxin (5BU). B. Cônixin.
C. Virut viêm gan B. D. Tia tử ngoại (UV).

Câu 20: Một quần thể thực vật có cấu trúc di truyền: 0,04AA : 0,32Aa : 0,64aa. Tần số alen A và a của quần thể này lần lượt là

- A. 0,6 và 0,4. B. 0,2 và 0,8. C. 0,8 và 0,2. D. 0,4 và 0,6.

Câu 21: Cho chuỗi thức ăn: Tảo lục đơn bào → Tôm → Cá rô → Chim bói cá. Trong chuỗi thức ăn này, tảo lục đơn bào thuộc bậc dinh dưỡng

- A. cấp 2. B. cấp 4. C. cấp 1. D. cấp 3.

Câu 22: Đặc trưng nào sau đây là một trong những đặc trưng của quần xã sinh vật?

- A. Nhóm tuổi. B. Tỉ lệ giới tính. C. Mật độ cá thể. D. Loài ưu thế.

Câu 23: Ở một loài thực vật, chiều cao của cây do 3 cặp gen (A,a; B,b; D,d) phân li độc lập cùng quy định theo kiểu tương tác cộng gộp. Cứ mỗi alen trội (bất kể A, B hay D) có trong kiểu gen đều làm cho cây cao thêm 5 cm. Cây thấp nhất (aabbdd) có chiều cao 90 cm. Chiều cao của cây có kiểu gen AaBbDd là

- A. 105 cm. B. 110 cm. C. 100 cm. D. 95 cm.

Câu 24: Trong lịch sử phát triển của sinh giới qua các đại địa chất, các nhóm linh trưởng phát sinh ở

- A. đại Tân sinh. B. đại Nguyên sinh. C. đại Trung sinh. D. đại Cổ sinh.

Câu 25: Một đoạn phân tử ADN ở sinh vật nhân thực có trình tự nuclêôtit trên mạch mã gốc là: 3'...TGTGAAXTTGXA... 5'. Theo lí thuyết, trình tự nuclêôtit trên mạch bổ sung của đoạn phân tử ADN này là:

- A. 5'...TGTGAAXXTGXA... 3'. B. 5'...AAAGTTAXXGGT... 3'.
C. 5'...TGXAAGTTXAXA... 3'. D. 5'...AXAXTTGAAXGT... 3'.

Câu 26: Bệnh hoặc hội chứng bệnh nào sau đây ở người **không** liên quan đến đột biến gen?

- A. Máu khó đông. B. Bạch tạng. C. Tóc nơ. D. Pheninkêto niệu.

Câu 27: Sử dụng phương pháp nào sau đây có thể tạo ra giống mới mang đặc điểm của hai loài mà bằng cách tạo giống thông thường không thể tạo ra được?

- A. Dung hợp tế bào trần. B. Nuôi cấy hạt phấn.
C. Gây đột biến nhân tạo. D. Nhân bản vô tính.

Câu 28: Theo quan niệm hiện đại, chọn lọc tự nhiên

- A. cung cấp nguồn biến dị sơ cấp (các alen đột biến) cho quá trình tiến hoá.
B. tác động gián tiếp lên kiểu hình và trực tiếp làm biến đổi tần số kiểu gen của quần thể.
C. tác động trực tiếp lên kiểu hình và gián tiếp làm biến đổi tần số kiểu gen, qua đó làm biến đổi tần số alen của quần thể.
D. làm thay đổi tần số alen không theo một chiều hướng nhất định.

Câu 29: Trong cấu trúc siêu hiển vi của nhiễm sắc thể ở sinh vật nhân thực, sợi chất nhiễm sắc có đường kính

- A. 300 nm. B. 30 nm. C. 700 nm. D. 11 nm.

Câu 30: Loại axit nucleic nào sau đây mang bộ ba đối mã (anticôđon)?

- A. tARN. B. ADN. C. mARN. D. rARN.

Câu 31: Mật độ cá thể của quần thể sinh vật là

- A. tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực và số lượng cá thể cái trong quần thể.
B. số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.
C. số lượng cá thể ít nhất mà quần thể cần có để duy trì và phát triển.
D. giới hạn lớn nhất về số lượng cá thể mà quần thể có thể đạt được, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Câu 32: Một loài sinh vật có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội $2n = 8$. Tế bào sinh dưỡng của thể ba thuộc loài này có số lượng nhiễm sắc thể là

- A. 11. B. 9. C. 24. D. 7.

Câu 33: Sơ đồ nào sau đây thể hiện đúng mối quan hệ giữa gen và tính trạng ở sinh vật nhân thực?

- A. mARN \rightarrow Gen (ADN) \rightarrow Pôlipeptit \rightarrow Prôtêin \rightarrow Tính trạng.
B. Pôlipeptit \rightarrow mARN \rightarrow Gen (ADN) \rightarrow Prôtêin \rightarrow Tính trạng.
C. Gen (ADN) \rightarrow mARN \rightarrow Prôtêin \rightarrow Pôlipeptit \rightarrow Tính trạng.
D. Gen (ADN) \rightarrow mARN \rightarrow Pôlipeptit \rightarrow Prôtêin \rightarrow Tính trạng.

Câu 34: Dạng đột biến điểm nào sau đây **không** làm thay đổi số nuclêôtit và số liên kết hiđrô trong gen?

- A. Thêm một cặp nuclêôtit. B. Mất một cặp nuclêôtit.
C. Thay thế một cặp nuclêôtit khác loại. D. Thay thế một cặp nuclêôtit cùng loại.

Câu 35: Tạo giống bằng phương pháp gây đột biến có hiệu quả nhất đối với nhóm sinh vật nào sau đây?

- A. Động vật không xương sống. B. Động vật có xương sống.
C. Vi sinh vật. D. Thực vật.

Câu 36: Cho biết quá trình giảm phân không xảy ra đột biến và hoán vị gen. Theo lí thuyết, số loại giao tử tối đa có thể được tạo ra từ quá trình giảm phân của cơ thể có kiểu gen $\frac{AB}{ab}$ là

- A. 2. B. 8. C. 4. D. 6.

Câu 37: Nhiều loài cây trồng nhiệt đới quang hợp tốt nhất ở 20°C đến 30°C . Nhìn chung, khi nhiệt độ xuống dưới 0°C và cao hơn 40°C , cây ngừng quang hợp. Khoảng giá trị từ 20°C đến 30°C được gọi là

- A. khoảng thuận lợi. B. khoảng chống chịu.
C. giới hạn dưới. D. giới hạn sinh thái về nhiệt độ.

Câu 38: Trong cùng một môi trường sống, cây tỏi tiết chất gây ức chế hoạt động của vi sinh vật ở xung quanh. Đây là ví dụ về mối quan hệ

- A. hợp tác. B. cộng sinh.
C. kí sinh. D. ức chế - cảm nhiễm.

Câu 39: Ví dụ nào sau đây phản ánh kiểu biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật không theo chu kì?

- A. Số lượng muỗi thường tăng vào mùa hè, giảm vào mùa đông.
B. Chim cu gáy là loài chim ăn hạt thường xuất hiện nhiều vào thời gian thu hoạch lúa, ngô,... hằng năm.
C. Số lượng ếch, nhái giảm mạnh vào những năm có nhiệt độ môi trường xuống dưới 8°C .
D. Số lượng sâu hại cây trồng tăng vào mùa xuân và mùa hè, giảm vào mùa thu và mùa đông.

Câu 40: Người mắc bệnh hoặc hội chứng bệnh nào sau đây là một dạng thể ba?

- A. Bệnh hồng cầu hình liềm. B. Bệnh ung thư vú.
C. Hội chứng Đào. D. Hội chứng AIDS.

----- HẾT -----